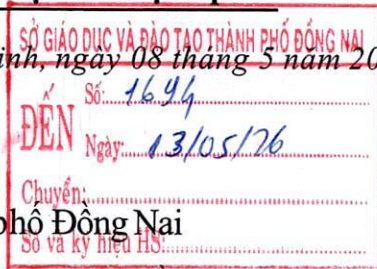


Số: 214/SMN-XBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

V/v Giới thiệu danh mục sách sử dụng
từ năm học 2026-2027 và đơn vị phát hành



Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đồng Nai

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (Công ty Miền Nam), đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) trân trọng cảm ơn Quý Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã tin tưởng lựa chọn sử dụng sách giáo khoa (SGK), vở bài tập (VBT) và các sản phẩm giáo dục của NXBGDVN trong nhiều năm qua.

Căn cứ Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ GD&ĐT về lựa chọn bộ SGK giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc là bộ sách **Kết nối tri thức với cuộc sống (KNTTVCS)**, đồng thời tiếp theo công văn số 806/NXBGDVN ngày 06/5/2026 của NXBGDVN về việc giới thiệu bộ Vở bài tập (Tích hợp phát triển năng lực số), Công ty Miền Nam trân trọng gửi tới Quý Sở thông tin về SGK và VBT được sử dụng từ năm học 2026 - 2027 như sau:

1. **Sách giáo khoa:** Chi tiết theo danh mục SGK đính kèm.

2. **Vở bài tập:**

- **Vở bài tập cấp Tiểu học:** Trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục, từ năm học 2026-2027 NXBGDVN đã tổ chức biên soạn bộ **Vở bài tập (Tích hợp phát triển năng lực số)** theo bộ sách KNTTVCS gồm đầy đủ các môn học từ lớp 1 đến lớp 5. Nội dung bộ VBT bám sát các bài học trong SGK KNTTVCS nhằm giúp học sinh ôn luyện, củng cố và mở rộng các nội dung đã học trên lớp. Bên cạnh đó, với việc tích hợp số, giáo viên, phụ huynh và học sinh có thể quét mã QR ở mỗi bài học để sử dụng các học liệu số kèm theo nhằm giúp việc dạy và học trở nên trực quan, sinh động, hiệu quả bằng hình ảnh, video, sách tương tác..., từ đó giúp cho việc học trở nên thú vị, hấp dẫn và đầy hứng thú.

- **Sách bài tập cấp THCS và THPT:** Tiếp tục sử dụng bộ SBT bộ sách KNTTVCS như các năm trước đây.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm).

Với nhiệm vụ được NXBGDVN giao là cung ứng SGK, VBT và các sản phẩm giáo dục tại địa bàn TP. Đồng Nai, Công ty Miền Nam trân trọng giới thiệu đến Quý Sở địa chỉ phát hành SGK, VBT chính thống của NXBGDVN tại TP. Đồng Nai như sau:

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10, đường Võ Thị Sáu, Khu phố Công Lý, Phường Trần Biên, TP. Đồng Nai.

Chi tiết xin liên hệ:

- Bà Trần Thị Ngọc Anh, Phó Tổng Giám đốc; Điện thoại: 0918261513;

- Ông Võ Nguyễn Đăng Khoa, Trưởng Phòng Kinh doanh; Điện thoại: 0352803485.

Công ty Miền Nam rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Sở để SGK và VBT được cung ứng đồng bộ, kịp thời đến các cơ sở giáo dục tại địa phương, đồng thời toàn bộ sách có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức, góp phần phục vụ tốt nhất cho công tác dạy và học tại tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty Miền Nam sẵn sàng hỗ trợ kết nối với đội ngũ tác giả biên soạn, các bộ phận có liên quan của NXBGDVN nếu có phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai sử dụng bộ SGK và VBT nêu trên.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh;

Đại diện: Ông Bùi Trung Hiếu, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh;

Điện thoại: 0906801620 - Email: buitrunghieu@sobee.vn.

Trân trọng cảm ơn./:-/

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT;
- Ban TGD, KTT;
- P.XB-TT, P.KH-KD;
- Lưu: TC-HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC *nh*



Phạm Văn Dũng

Số: 806 /NXBGDVN
Vv giới thiệu bộ sách Vở bài tập
(Tích hợp phát triển năng lực số)

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Trong đó nêu rõ nhiệm vụ “*Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo*”. Để đạt được mục tiêu này, cần xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, sách bài tập thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số trong lớp học và trường học.

Trước yêu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ trong giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) đã phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) tổ chức biên soạn bộ ***Vở bài tập (Tích hợp phát triển năng lực số)*** theo bộ ***sách giáo khoa thống nhất*** gồm đầy đủ các môn học dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Nội dung bộ vở bài tập bám sát các bài học trong sách giáo khoa nhằm giúp học sinh ôn luyện, củng cố và mở rộng các nội dung được học trên lớp. Đội ngũ tác giả của bộ vở bài tập là các Chủ biên, tác giả của *sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống*; các chuyên gia hàng đầu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thầy cô giáo có rất nhiều kinh nghiệm trong việc giảng dạy cấp tiểu học. Ngoài ra, với việc tích hợp công nghệ số trong bộ vở bài tập, giáo viên, phụ huynh và học sinh có thể quét mã QR có ở mỗi bài học để sử dụng các học liệu số kèm theo nhằm giúp việc dạy và học trở nên trực quan, sinh động, hiệu quả bằng hình ảnh, video, sách tương tác,... Nhờ đó, các em học sinh sẽ thấy việc học trở nên thú vị, hấp dẫn và đầy hứng khởi.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trân trọng giới thiệu đến Quý Sở Giáo dục và Đào tạo bộ sách ***Vở bài tập (Tích hợp phát triển năng lực số)*** được biên soạn theo sách giáo khoa thống nhất gồm phiên bản sách in và phiên bản sách điện tử, đi kèm với hệ sinh thái học liệu số và các công cụ hỗ trợ để triển khai tại các cơ sở giáo dục từ năm học 2026 – 2027. Rất mong Quý Sở Giáo dục và Đào tạo cùng phối hợp, triển khai thông tin đến các cơ sở giáo dục.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NXBGD tại các miền;
- Các công ty đầu mối PH;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Thanh



DANH MỤC BỘ SÁCH
VỞ BÀI TẬP (TÍCH HỢP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ)
(kèm theo CV số ~~86~~/NXBGDVN)

TT	Tên đề tài	Khổ sách	Số trang	Số màu
1	Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17x24	76	4
2	Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17x24	72	4
3	Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17x24	108	4
4	Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17x24	104	4
5	Vở bài tập Toán 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17x24	92	4
6	Vở bài tập Toán 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17x24	92	4
7	Vở bài tập Toán 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17x24	112	4
8	Vở bài tập Toán 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17x24	108	4
9	Vở bài tập Toán 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17x24	108	4
10	Vở bài tập Toán 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17x24	116	4
11	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	60	4
12	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	60	4
13	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	72	4
14	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	72	4
15	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	72	4

10854
CÔNG TY
TNHH
THÀNH
XUẤT B
IAO DUC
ỆT NAM
PHỐ H

16	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	72	4
17	Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	100	4
18	Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	96	4
19	Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	100	4
20	Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	100	4
21	Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	48	4
22	Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	48	4
23	Tập viết 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	40	4
24	Tập viết 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	36	4
25	Tập viết 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	17 x 24	40	4
26	Tập viết 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	17 x 24	36	4
27	Vở bài tập Đạo đức 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	52	4
28	Vở bài tập Đạo đức 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	56	4
29	Vở bài tập Đạo đức 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	52	4
30	Vở bài tập Đạo đức 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	60	4
31	Vở bài tập Đạo đức 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	60	4
32	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4

33	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
34	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
35	Vở bài tập Khoa học 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	60	4
36	Vở bài tập Khoa học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
37	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	80	4
38	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	92	4
39	Vở bài tập Tin học 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	60	4
40	Vở bài tập Tin học 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
41	Vở bài tập Tin học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
42	Vở bài tập Âm nhạc 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	36	4
43	Vở bài tập Âm nhạc 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	36	4
44	Vở bài tập Âm nhạc 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	36	4
45	Vở bài tập Âm nhạc 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	36	4
46	Vở bài tập Âm nhạc 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	36	4
47	Vở bài tập Mỹ thuật 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4
48	Vở bài tập Mỹ thuật 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4
49	Vở bài tập Mỹ thuật 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4

50	Vở bài tập Mĩ thuật 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4
51	Vở bài tập Mĩ thuật 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4
52	Vở bài tập Công nghệ 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	32	4
53	Vở bài tập Công nghệ 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	48	4
54	Vở bài tập Công nghệ 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	40	4
55	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	44	4
56	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	60	4
57	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
58	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4
59	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	17x24	72	4



DANH MỤC SÁCH BÀI TẬP PHỤC VỤ NĂM HỌC 2026-2027

(Theo Chương trình GĐPT năm 2018 - Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Đính kèm công văn số: 214/SMN-XBTT ngày 08/05/2026 của Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
		LỚP 1 - VỞ BÀI TẬP				
1	GOLH1T004	Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	76	17 x 24	25,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
2	GOLH1T005	Vở bài tập Toán 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	72	17 x 24	22,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
3	GOLH1V018	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	60	17 x 24	20,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
4	GOLH1V019	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	60	17 x 24	20,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
5	GOLH1V020	Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	48	17 x 24	18,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Thạch Thị Lan Anh, Trần Thị Quỳnh Nga
6	GOLH1V021	Tập viết 1 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	48	17 x 24	18,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Thạch Thị Lan Anh, Trần Thị Quỳnh Nga
7	GOLH1G003	Vở bài tập Đạo đức 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	52	17 x 24	17,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Diệu
8	GOLH1M003	Vở bài tập Mĩ thuật 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	18,000	Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà
9	GOLH1Q001	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	44	17 x 24	15,000	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Đặng Xuân Diệu, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Phương Thảo
10	GOLH1R002	Vở bài tập Âm nhạc 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	36	17 x 24	13,000	Đặng Khánh Nhật (Chủ biên), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy
11	GOLH1X001	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lương Việt Thái, Phương Thảo
12	G3BC1A001	Tiếng Anh 1 – Global Success, Sách bài tập	60	19 x 26,5	35,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
		LỚP 2 - VỞ BÀI TẬP				
1	G0LH2T002	Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	108	17 x 24	29,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
2	G0LH2T003	Vở bài tập Toán 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	104	17 x 24	29,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
3	G0LH2V012	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	72	17 x 24	22,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
4	G0LH2V013	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	72	17 x 24	22,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
5	G0LH2V014	Tập viết 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	40	17 x 24	16,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan
6	G0LH2V015	Tập viết 2 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	36	17 x 24	14,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan
7	G0LH2G003	Vở bài tập Đạo đức 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	56	17 x 24	20,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Điều
8	G0LH2M003	Vở bài tập Mỹ thuật 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	18,000	Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà
9	G0LH2Q001	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	60	17 x 24	20,000	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Đặng Xuân Điều, Nguyễn Hồng Kiên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phương Thảo
10	G0LH2R002	Vở bài tập Âm nhạc 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	36	17 x 24	13,000	Đặng Khánh Nhật (Chủ biên), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy
11	G0LH2X001	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lương Việt Thái, Phương Thảo
12	G3BH2A001	Tiếng Anh 2 – Global Success, Sách bài tập	64	19 x 26,5	35,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.
		LỚP 3 - VỞ BÀI TẬP				
1	G0LH3T002	Vở bài tập Toán 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	92	17 x 24	28,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
2	G0LH3T003	Vở bài tập Toán 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	92	17 x 24	28,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
3	G0LH3V008	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	72	17 x 24	22,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
4	G0LH3V009	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	72	17 x 24	22,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
5	G0LH3V010	Tập viết 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	40	17 x 24	16,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Lương Thị Hiền, Trần Thị Quỳnh Nga
6	G0LH3V011	Tập viết 3 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	36	17 x 24	14,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Lương Thị Hiền, Trần Thị Quỳnh Nga
7	G0LH3G003	Vở bài tập Đạo đức 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	52	17 x 24	17,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Diệu
8	G0LH3M003	Vở bài tập Mĩ thuật 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	18,000	Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà
9	G0LH3Q001	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phương Thảo
10	G0LH3R002	Vở bài tập Âm nhạc 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	36	17 x 24	13,000	Đặng Khánh Nhật (Chủ biên), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy
11	G0LH3X001	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lương Việt Thái, Phương Thảo
12	G0LH3C001	Vở bài tập Công nghệ 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	32	17 x 24	12,000	Vũ Thị Ngọc Thủy (Chủ biên), Đặng Minh Đức, Nguyễn Thị Hoa
13	G0LH3I001	Vở bài tập Tin học 3 (Tích hợp phát triển năng lực số)	60	17 x 24	20,000	Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng
14	G3BH3A001	Tiếng Anh 3 – Global Success, Sách bài tập	124	19 x 26,5	62,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.
LỚP 4 - VỞ BÀI TẬP						
1	G0LH4T002	Vở bài tập Toán 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	112	17 x 24	31,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
2	G0LH4T003	Vở bài tập Toán 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	108	17 x 24	30,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
3	G0LH4V008	Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	100	17 x 24	30,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
4	G0LH4V009	Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	96	17 x 24	30,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
5	G0LH4G003	Vở bài tập Đạo đức 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	60	17 x 24	20,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Điều
6	G0LH4M003	Vở bài tập Mỹ thuật 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	18,000	Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà
7	G0LH4Q001	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phương Thảo
8	G0LH4R002	Vở bài tập Âm nhạc 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	36	17 x 24	13,000	Đặng Khánh Nhật (Chủ biên), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy
9	G0LH4C001	Vở bài tập Công nghệ 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	16,000	Vũ Thị Ngọc Thuý (Chủ biên), Đặng Minh Đức, Nguyễn Thị Hoa
10	G0LH4I001	Vở bài tập Tin học 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng
11	G0LH4U001	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	80	17 x 24	25,000	Dương Thị Oanh (Chủ biên), Nguyễn Tú Linh, Đặng Thị Phương, Trần Thị Lan
12	G0LH4X001	Vở bài tập Khoa học 4 (Tích hợp phát triển năng lực số)	60	17 x 24	20,000	Lý Vương Ngọc Minh (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Phúc
13	G3BH4A001	Tiếng Anh 4 – Global Success, Sách bài tập	100	20 x 28	62,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.
		LỚP 5 - VỞ BÀI TẬP				
1	G0LH5T002	Vở bài tập Toán 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	108	17 x 24	30,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
2	G0LH5T003	Vở bài tập Toán 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	116	17 x 24	32,000	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Nguyễn Minh Hải, Đặng Thị Phương Anh
3	G0LH5V007	Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập một	100	17 x 24	30,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
4	G0LH5V008	Vở bài tập Tiếng Việt 5 (Tích hợp phát triển năng lực số), tập hai	100	17 x 24	30,000	Trần Minh Hương (Chủ biên), Trần Thị Quỳnh Nga, Vũ Thị Lan, Lương Thị Hiền, Thạch Thị Lan Anh
5	G0LH5G003	Vở bài tập Đạo đức 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	60	17 x 24	20,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đặng Xuân Điều
6	G0LH5M003	Vở bài tập Mỹ thuật 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	48	17 x 24	18,000	Phạm Duy Anh, Đào Thị Hà

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRẠNG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
7	G0LH5Q001	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Phương Thảo
8	G0LH5R002	Vở bài tập Âm nhạc 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	36	17 x 24	14,000	Đặng Khánh Nhật (Chủ biên), Trần Ngọc Tú, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy
9	G0LH5C001	Vở bài tập Công nghệ 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	40	17 x 24	14,000	Vũ Thị Ngọc Thuý (Chủ biên), Đặng Minh Đức, Nguyễn Thị Hoa
10	G0LH5I001	Vở bài tập Tin học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng
11	G0LH5U001	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	92	17 x 24	28,000	Dương Thị Oanh (Chủ biên), Nguyễn Tú Linh, Đặng Thị Phương, Trần Thị Lan
12	G0LH5X001	Vở bài tập Khoa học 5 (Tích hợp phát triển năng lực số)	72	17 x 24	22,000	Lý Vương Ngọc Minh (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Phúc
13	G3BH5A001	Tiếng Anh 5 – Global Success, Sách bài tập	124	20 x 28	65,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn.
		LỚP 6 - BÀI TẬP				
1	G1BH6V001	BT Ngữ văn 6 tập 1 (KNTTVCS)	80	17 x 24	13,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Nguyễn Linh Chi - Nguyễn Thị Mai Liên - Lê Trà My - Lê Thị Minh Nguyệt - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1BH6V002	BT Ngữ văn 6 tập 2 (KNTTVCS)	88	17 x 24	14,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Phan Huy Dũng - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đặng Lưu
3	G1BH6T001	BT Toán 6 tập 1 (KNTTVCS)	124	17 x 24	18,000	Nguyễn Huy Doan (Chủ biên) - Nguyễn Cao Cường - Doãn Minh Cường - Lưu Bá Thắng - Sĩ Đức Quang
4	G1BH6T002	BT Toán 6 tập 2 (KNTTVCS)	140	17 x 24	20,000	Nguyễn Huy Doan (Chủ biên) - Trần Mạnh Cường - Doãn Minh Cường - Lưu Bá Thắng - Đặng Hùng Thắng
5	G1BH6K001	BT Khoa học tự nhiên 6 (KNTTVCS)	124	17 x 24	19,000	Vũ Văn Hùng (Chủ biên) – Đinh Đoàn Long – Lê Kim Long – Bùi Gia Thịnh – Nguyễn Hữu Chung – Nguyễn Thu Hà – Bùi Thị Việt Hà – Nguyễn Đức Hiệp – Trần Thị Thanh Huyền – Lê Trọng Huyền – Vũ Trọng Rỹ - Nguyễn Văn Vĩnh
6	G1BH6I001	BT Tin học 6 (KNTTVCS)	100	17 x 24	15,000	Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) – Nguyễn Hải Châu - Đinh Thị Hạnh Mai – Hoàng Thị Mai

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
7	G1BH6C001	BT Công nghệ 6 (KNTTVCS)	52	17 x 24	10,000	Lê Huy Hoàng (Chủ biên) - Trương Thị Hồng Huệ - Lê Xuân Quang - Vũ Thị Ngọc Thúy - Nguyễn Thanh Trinh - Vũ Cẩm Tú
8	G1BH6U001	BT Lịch sử và Địa lí 6, phần Lịch sử (KNTTVCS)	80	17 x 24	13,000	Đinh Ngọc Bảo (Chủ biên) - Phan Ngọc Huyền - Phạm Thị Thanh Huyền - Hoàng Anh Tuấn
9	G1BH6U002	BT Lịch sử và Địa lí 6, phần Địa lí (KNTTVCS)	88	17 x 24	14,000	Đào Ngọc Hùng (Chủ biên) - Vũ Thị Hằng - Lê Huỳnh - Phí Công Việt
10	G1BH6G001	BT GD công dân 6 (KNTTVCS)	56	17 x 24	10,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên) - Nguyễn Hà An - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phạm Thị Kim Dung - Trần Thị Mai Phương - Nguyễn Thị Thọ
11	G3BH6R001	BT Âm nhạc 6 (KNTTVCS)	36	17 x 24	8,000	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Nguyễn Thị Thanh Vân, Lê Thị Tuyết
12	G1BH6M001	BT Mĩ thuật 6 (KNTTVCS)	64	17 x 24	12,000	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (Đồng Chủ biên) - Phạm Thị Chinh - Phạm Minh Phong - Phạm Duy Anh - Vũ Thị Thanh Hương - Nguyễn Thị May - Đoàn Dũng Sĩ
13	G3BH6Q001	BT HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (KNTTVCS)	52	17 x 24	10,000	Trần Thị Thu (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh - Nguyễn Thanh Bình - Lê Thị Luận - Nguyễn Hồng Thuận
14		Tiếng Anh 6 – Global Success, Sách bài tập	64	19 x 26,5	64,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang.
		LỚP 7 - BÀI TẬP				
1	G1BH7V001	BT Ngữ văn 7 tập 1 (KNTTVCS)	116	17 x 24	17,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Nguyễn Thị Mai Liên - Lê Trà My - Lê Thị Minh Nguyệt - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1BH7V002	BT Ngữ văn 7 tập 2 (KNTTVCS)	104	17 x 24	15,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Dương Tuấn Anh - Nguyễn Linh Chi - Phan Huy Dũng - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đặng Lưu
3	G1BH7T001	BT Toán 7 tập 1 (KNTTVCS)	136	17 x 24	19,000	Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
4	G1BH7T002	BT Toán 7 tập 2 (KNTTVCS)	104	17 x 24	15,000	Nguyễn Huy Doan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1BH7K001	BT Khoa học tự nhiên 7 (KNTTVCS)	144	17 x 24	20,000	Vũ Văn Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường - Trần Thị Thanh Huyền - Mai Văn Hưng - Lê Kim Long - Nguyễn Thị Bích Ngọc - Phạm Thị Phú - Vũ Trọng Rỹ - Bùi Gia Thịnh - Mai Thị Tình - Vũ Thị Minh Tuyền
6	G1BH7I001	BT Tin học 7 (KNTTVCS)	92	17 x 24	14,000	Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Nguyễn Hải Châu, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai
7	G1BH7C001	BT Công nghệ 7 (KNTTVCS)	64	17 x 24	11,000	Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn
8	G1BH7S001	BT Lịch sử và Địa lí 7 Phần Lịch sử (KNTTVCS)	92	17 x 24	15,000	Nguyễn Thị Côi - Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên) - Phạm Thị Thanh Huyền - Đặng Hồng Sơn - Nguyễn Đình Vỹ
9	G1BH7U001	BT Lịch sử và Địa lí 7 Phần Địa lí (KNTTVCS)	76	17 x 24	12,000	Nguyễn Đình Giang - Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt
10	G1BH7G001	BT GD công dân 7 (KNTTVCS)	56	17 x 24	10,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên) - Trần Thị Mai Phương - Nguyễn Hà An - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phạm Thị Kim Dung - Nguyễn Thị Thọ - Mai Trung Tuấn
11	G3BH7R001	BT Âm nhạc 7 (KNTTVCS)	36	17 x 24	8,000	Hoàng Long - Vũ Mai Lan (đồng Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính, Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân
12	G1BH7M001	BT Mĩ thuật 7 (KNTTVCS)	64	17 x 24	12,000	Nguyễn Xuân Nghi (Chủ biên) - Đoàn Thị Mỹ Hương - Phạm Duy Anh - Vũ Thị Thanh Hương
13	G3BH7Q001	BT HD trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (KNTTVCS)	72	17 x 24	12,000	Trần Thị Thu (Chủ biên), Lưu Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy, Dương Thị Thu Hà
14	G3BH7A001	Tiếng Anh 7 – Global Success, Sách bài tập	128	19 x 26,5	60,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thị Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.
		LỚP 8 - BÀI TẬP				

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BIA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
1	G1BH8V001	BT Ngữ văn 8 tập 1 (KNTTVCS)	96	17 x 24	15,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Đặng Lưu, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1BH8V002	BT Ngữ văn 8 tập 2 (KNTTVCS)	96	17 x 24	15,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương
3	G1BH8T001	BT Toán 8 tập 1 (KNTTVCS)	112	17 x 24	17,000	Nguyễn Huy Đoan - Cung Thế Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
4	G1BH8T002	BT Toán 8 tập 2 (KNTTVCS)	140	17 x 24	21,000	Cung Thế Anh - Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1BH8K001	BT Khoa học tự nhiên 8 (KNTTVCS)	176	17 x 24	26,000	Vũ Văn Hùng (Chủ biên) - Mai Văn Hưng - Vũ Trọng Rỹ - Nguyễn Văn Biên - Nguyễn Thu Hà - Lê Trọng Huyền - Nguyễn Thế Hưng - Nguyễn Xuân Thành - Bùi Gia Thịnh - Nguyễn Thị Thuần - Mai Thị Tinh - Vũ Thị Minh Tuyền - Nguyễn Văn Vinh
6	G1BH8I001	BT Tin học 8 (KNTTVCS)	120	17 x 24	18,000	Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai
7	G1BH8C001	BT Công nghệ 8 (KNTTVCS)	52	17 x 24	9,000	Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thủy
8	G1BH8U001	BT Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử (KNTTVCS)	108	17 x 24	16,000	Trịnh Đình Tùng (Chủ biên) - Nguyễn Ngọc Cơ - Đào Tuấn Thành - Hoàng Thanh Tú
9	G1BH8U002	BT Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí (KNTTVCS)	76	17 x 24	12,000	Đào Ngọc Hùng (Chủ biên), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt
10	G1BH8G001	BT GD công dân 8 (KNTTVCS)	60	17 x 24	10,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên) - Trần Thị Mai Phương - Nguyễn Hà An - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Thị Thộ - Mai Trung Tuấn
11	G3BH8R001	BT Âm nhạc 8 (KNTTVCS)	36	17 x 24	7,000	Hoàng Long - Vũ Mai Lan (đồng Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRẠNG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
12	G1BH8M001	BT Mĩ thuật 8 (KNTTVCS)	64	17 x 24	12,000	Đinh Gia Lê (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Trương Triều Dương
13	G3BH8Q001	BT HĐTN, hướng nghiệp 8 (KNTTVCS)	76	17 x 24	14,000	Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lưu Thu Thủy, Lê Thị Thanh Thủy
14	G3BH8A001	Tiếng Anh 8 – Global Success, Sách bài tập	128	20 x 28	60,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thủy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.
		LỚP 9 - BÀI TẬP				
1	G1BH9V001	BT Ngữ văn 9, tập 1 (KNTTVCS)	96	17 x 24	13,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Dương Tuấn Anh - Đặng Lưu - Lê Trà My - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hải Phương - Nguyễn Thị Minh Thương
2	G1BH9V002	BT Ngữ văn 9, tập 2 (KNTTVCS)	96	17 x 24	13,000	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên) - Phan Huy Dũng - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Nguyễn Thị Mai Liên - Đặng Lưu - Lê Thị Minh Nguyệt
3	G1BH9T001	BT Toán 9, tập 1 (KNTTVCS)	124	17 x 24	16,000	Nguyễn Huy Doan - Cung Thế Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.
4	G1BH9T002	BT Toán 9, tập 2 (KNTTVCS)	144	17 x 24	19,000	Nguyễn Huy Doan - Cung Thế Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1BH9K001	BT Khoa học tự nhiên 9 (KNTTVCS)	196	17 x 24	26,000	Vũ Văn Hùng (Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thanh Loan, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Vũ Thị Minh Tuyền
6	G1BH9I001	BT Tin học 9 (KNTTVCS)	104	17 x 24	14,000	Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) - Nguyễn Hải Châu - Hoàng Thị Mai
7	G1BH9U001	BT Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử (KNTTVCS)	140	17 x 24	18,000	Nguyễn Ngọc Cờ - Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
8	G1BH9U002	BT Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí (KNTTVCS)	92	17 x 24	13,000	Đào Ngọc Hùng (Chủ biên), Đỗ Anh, Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm
9	G1BH9G001	BT GD công dân 9 (KNTTVCS)	64	17 x 24	9,000	Nguyễn Thị Toan (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Thọ, Mai Trung Tuấn
10	G3BH9R001	BT Âm nhạc 9 (KNTTVCS)	36	17 x 24	6,000	Hoàng Long (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân
11	G1BH9M001	BT Mĩ thuật 9 (KNTTVCS)	64	17 x 24	10,000	Đinh Gia Lê (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Trương Triều Dương
12	G3BH9Q001	BT HĐTN, hướng nghiệp 9 (KNTTVCS)	80	17 x 24	12,000	Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lưu Thu Thủy, Lê Thị Thanh Thủy
13	G3BH9A001	Tiếng Anh 9 – Global Success, Sách bài tập	128	20 x 28	65,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.
		LỚP 10 - BÀI TẬP				
1	G1BHXV002	BT Ngữ văn 10 tập 2 (KNTTVCS)	84	17 x 24	12,000	Phan Huy Dũng - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Chủ biên) – Đặng Lưu Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương
2	G1BHXV001	BT Ngữ văn 10 tập 1 (KNTTVCS)	72	17 x 24	13,000	Phan Huy Dũng - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Chủ biên) - Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương
3	G1BHX001	BT Toán 10 tập 1 (KNTTVCS)	128	17 x 24	18,000	Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn
4	G1BHX002	BT Toán 10 tập 2 (KNTTVCS)	140	17 x 24	19,000	Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Nguyễn Chu Gia Vượng
5	G1BHX001	BT Vật lí 10 (KNTTVCS)	120	17 x 24	17,000	Bùi Gia Thịnh (Chủ biên) - Tô Giang - Nguyễn Xuân Quang - Nguyễn Văn Thụ
6	G1BHX001	BT Tin học 10 (KNTTVCS)	148	17 x 24	20,000	Phạm Thế Long, Đào Kiến Quốc (Đồng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỎ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
7	G1BHXH001	BT Hoá học 10 (KNTTVCS)	128	17 x 24	17,000	Lê Kim Long – Đặng Xuân Thu (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thu Hà – Nguyễn Văn Hải - Lê Trọng Huyền – Vũ Anh Tuấn
8	G1BHXB001	BT Sinh học 10 (KNTTVCS)	92	17 x 24	14,000	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Quỳn
9	G1BHXS002	BT Lịch sử 10 (KNTTVCS)	100	17 x 24	18,000	Phạm Hồng Tung – Nguyễn Quang Liệu (đồng Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Lưu Hoa Sơn, Ngô Thị Hiền Thủy, Phạm Văn Thủy
10	G1BHXD001	BT Địa lý 10 (KNTTVCS)	120	17 x 24	17,000	Lê Huỳnh (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Nguyễn Việt Khôi, Nguyễn Phương Thảo, Phí Công Việt
11	G1BHXY001	BT GD Kinh tế và Pháp luật 10 (KNTTVCS)	96	17 x 24	14,000	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) – Nguyễn Hà An – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan – Mai Trung Tuấn
12	G1BHXQ001	BT HD trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (KNTTVCS)	68	17 x 24	10,000	Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên) – Lê Văn Cầu – Trần Thị Tố Oanh – Trần Thị Thu – Lưu Thu Thủy
13	G3BHXPP001	BT Giáo dục quốc phòng và an ninh 10	52	17 x 24	10,000	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Doãn Văn Nghĩa, Vũ Văn Ninh
14	G3BHXAA001	Tríng Anh 10 – Global Success, Sách bài tập	116	19 x 26,5	60,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phương.
LỚP 11 - BÀI TẬP						
1	G1BHYV001	BT Ngữ văn 11 tập 1 (KNTTVCS)	80	17 x 24	13,000	Bùi Mạnh Hùng – Phan Huy Dũng (Đồng Chủ biên) - Đặng Lưu – Trần Hạnh Mai – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong - Nguyễn Thị Hồng Vân
2	G1BHYV002	BT Ngữ văn 11 tập 2 (KNTTVCS)	80	17 x 24	13,000	Bùi Mạnh Hùng – Phan Huy Dũng (Đồng Chủ biên) – Đặng Lưu – Trần Hạnh Mai – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Nguyễn Thị Hồng Vân
3	G1BHYT001	BT Toán 11 tập 1 (KNTTVCS)	152	17 x 24	22,000	Cung Thế Anh – Trần Văn Tấn – Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên) - Trần Mạnh Cường – Lê Văn Cường – Nguyễn Đạt Đăng - Lê Văn Hiện – Trần Đình Kế - Phạm Anh Minh – Nguyễn Thị Kim Sơn

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
4	G1BHYT002	BT Toán 11 tập 2 (KNTTVCS)	124	17 x 24	18,000	Cung Thế Anh – Trần Văn Tấn – Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên) - Trần Mạnh Cường – Lê Văn Cường – Nguyễn Đạt Đăng - Lê Văn Hiện – Trần Đình Kế - Phạm Anh Minh – Nguyễn Thị Kim Sơn
5	G1BHYL001	BT Vật lí 11 (KNTTVCS)	116	17 x 24	18,000	Nguyễn Văn Biên (Chủ biên) - Vũ Văn Hùng - Nguyễn Chính Cường – Tô Giang – Đặng Thanh Hải – Vũ Thúy Hằng – Bùi Gia Thịnh
6	G1BHYI001	BT Tin học 11 ĐH khoa học máy tính (KNTTVCS)	132	17 x 24	22,000	Phạm Thế Long (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Đào Kiến Quốc, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân, Đặng Bích Việt
7	G1BHYI002	BT Tin học 11 ĐH tin học ứng dụng (KNTTVCS)	100	17 x 24	18,000	Phạm Thế Long (Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Đào Kiến Quốc, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt
8	G1BHYH001	BT Hoá học 11 (KNTTVCS)	136	17 x 24	24,000	Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Lê Thị Hồng Hải – Nguyễn Văn Hải – Nguyễn Thanh Hưng – Đường Khánh Linh
9	G1BHYB001	BT Sinh học 11 (KNTTVCS)	120	17 x 24	22,000	Phạm Văn Lập (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hồng – Trần Thị Thanh Huyền – Đỗ Thị Mai Loan - Lê Thị Thủy
10	G1BHYS001	BT Lịch sử 11 (KNTTVCS)	96	17 x 24	17,000	Trần Thị Vinh (Chủ biên) - Hoàng Hải Hà - Đào Tuấn Thành - Ngô Thị Hiền Thủy - Nguyễn Thị Thu Thủy
11	G1BHYD001	BT Địa lý 11 (KNTTVCS)	120	17 x 24	22,000	Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên) - Trần Thị Thanh Hà - Nguyễn Tú Linh - Nguyễn Xuân Năng - Phạm Thị Thu Phương - Phạm Thị Ngọc Quỳnh
12	G1BHY Y001	BT GD kinh tế và pháp luật 11 (KNTTVCS)	96	17 x 24	19,000	Nguyễn Minh Doan – Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Hà An – Nguyễn Thị Hôi – Nguyễn Thị Thu Trà - Mai Trung Tuấn
13	G1BHYQ001	BT HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (KNTTVCS)	64	17 x 24	12,000	Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên) – Lưu Thu Thủy – Lê Văn Cầu – Dương Thị Thu Hà - Trần Thị Tố Oanh – Trần Thị Cẩm Tú
14	G3BHYP001	BT Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	52	17 x 24	12,000	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Ngọc Bình, Doãn Xuân Hùng, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa, Thảm Hoàng Tú
15	G3BHYA001	Trăng Anh 11 – Global Success, Sách bài tập	116	20 x 28	60,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phương.

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRẠNG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
		LỚP 12 - BÀI TẬP				
1	G1BHZV001	BT Ngữ văn 12 tập 1 (KNTTVCS)	96	17 x 24	14,000	Phan Huy Dũng - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Diệu Linh - Đặng Lưu - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hồng Vân
2	G1BHZV002	BT Ngữ văn 12 tập 2 (KNTTVCS)	72	17 x 24	11,000	Phan Huy Dũng - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Diệu Linh - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hồng Vân
3	G1BHZT001	BT Toán 12 tập 1 (KNTTVCS)	120	17 x 24	16,000	Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
4	G1BHZT002	BT Toán 12 tập 2 (KNTTVCS)	120	17 x 24	16,000	Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
5	G1BHZL001	BT Vật lí 12 (KNTTVCS)	128	17 x 24	18,000	Vũ Văn Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Văn Biên - Nguyễn Chính Cương - Trần Ngọc Chất - Đặng Thanh Hải - Trương Duy Hải - Bùi Gia Thịnh
6	G1BHZI001	BT Tin học 12 DH khoa học máy tính (KNTTVCS)	120	17 x 24	20,000	Phạm Thế Long (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Kim Thu, Đào Kiến Quốc, Đặng Bích Việt, Dương Quỳnh Nga
7	G1BHZI002	BT Tin học 12 DH tin học ứng dụng (KNTTVCS)	112	17 x 24	19,000	Phạm Thế Long (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc, Nguyễn Nam Hải, Lê Kim Thu, Đặng Bích Việt, Dương Quỳnh Nga
8	G1BHZH001	BT Hoá học 12 (KNTTVCS)	148	17 x 24	20,000	Đặng Xuân Thu (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường - Nguyễn Văn Hải - Lê Trọng Huyền - Nguyễn Thanh Hưng - Dương Khánh Linh
9	G1BHZB001	BT Sinh học 12 (KNTTVCS)	112	17 x 24	16,000	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Trần Văn Kiên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc
10	G1BHZS001	BT Lịch sử 12 (KNTTVCS)	136	17 x 24	18,000	Trần Thị Vinh - Phạm Hồng Tung (đồng Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Hoàng Thị Hồng Nga, Ngô Thị Hiền Thúy

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
11	G1BHZD001	BT Địa lý 12 (KNTTVCS)	120	17 x 24	17,000	Lê Huỳnh - Nguyễn Thị Sơn (Đồng Chủ biên), Đỗ Anh, Nguyễn Đình Cừ, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Lương Thị Thành Vinh
12	G1BHZY001	BT GD kinh tế và pháp luật 12 (KNTTVCS)	92	17 x 24	14,000	Nguyễn Minh Đoan - Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà, Mai Trung Tuấn
13	G1BHZQ001	BT HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (KNTTVCS)	72	17 x 24	10,000	Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lưu Thu Thủy, Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú
14	G3BHZP001	BT Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	52	17 x 24	17,000	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa
15	G3BHZA001	Tiếng Anh 12 – Global Success, Sách bài tập	116	20 x 28	70,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Đỗ Trọng Hoàng, Nguyễn Thị Kim Phụng.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA PHỤC VỤ NĂM HỌC 2026-2027

(Theo Chương trình GDPT năm 2018 - Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Định kèm công văn số: 214/SMN-XBTT ngày 08/05/2026 của Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỎ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
LỚP 1 - SÁCH HỌC SINH						
1	GIHH1V001	Tiếng Việt 1, tập một (KNTTVCS)	184	19 x 26,5	23,500	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan
2	GIHH1V002	Tiếng Việt 1, tập hai (KNTTVCS)	176	19 x 26,5	22,500	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hảo Tâm
3	GIHH1T001	Toán 1, tập một (KNTTVCS)	116	19 x 26,5	14,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Ánh, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
4	GIHH1T002	Toán 1, tập hai (KNTTVCS)	108	19 x 26,5	12,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Ánh, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
5	GIHH1G001	Đạo đức 1 (KNTTVCS)	72	19 x 26,5	8,800	Nguyễn Thị Toàn (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga
6	GIHH1X001	Tự nhiên và Xã hội 1 (KNTTVCS)	124	19 x 26,5	16,000	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tình
7	GIHH1R001	Âm nhạc 1 (KNTTVCS)	56	19 x 26,5	7,000	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhặt, Nguyễn Thị Thanh Vân
8	GIHH1M001	Mĩ thuật 1 (KNTTVCS)	72	19 x 26,5	8,800	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh
9	GIHH1Q001	Hoạt động trải nghiệm 1 (KNTTVCS)	88	19 x 26,5	10,800	Bùi Sỹ Tung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Trần Thị Thu, Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận
10	GIHH1E001	Giáo dục Thể chất 1 (KNTTVCS)	96	19 x 26,5	12,200	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thọ (Chủ biên), Vũ Thị Thu, Vũ Thị Hồng Thu, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Phạm Mai Vương
11	G3HC1A001	Tiếng Anh 1, Sách học sinh - Global Success	76	20 x 28	20,500	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang
LỚP 2 - SÁCH HỌC SINH						
1	GIHH2V001	Tiếng Việt 2 tập một (KNTTVCS)	144	19 x 26,5	18,600	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên) - Đỗ Hồng Dương - Vũ Thị Thanh Hương - Vũ Thị Lan - Nguyễn Thị Ngọc Minh - Trần Kim Phương
2	GIHH2V002	Tiếng Việt 2 tập hai (KNTTVCS)	144	19 x 26,5	18,600	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên) - Lê Thị Lan Anh - Trịnh Cẩm Lan - Chu Thị Phương - Đặng Thị Hảo Tâm

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÓ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
3	G1HH2T001	Toán 2, Tập một (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,300	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hương - Bùi Bá Mạnh
4	G1HH2T002	Toán 2, Tập hai (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hương - Bùi Bá Mạnh
5	G1HH2X001	Tự nhiên và xã hội 2 (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	15,400	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) - Nguyễn Thị Thái (Chủ biên) - Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan - Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tinh
6	G1HH2G001	Đạo đức 2 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,800	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) - Trần Thành Nam (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung - Lê Thị Tuyết Mai
7	G3HH2R001	Âm nhạc 2 (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	7,500	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thang, Nguyễn Thị Thanh Văn
8	G1HH2M001	Mĩ thuật 2 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (Đồng Tổng Chủ biên) - Trần Thị Biền (Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp - Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn
9	G3HH2Q001	Hoạt động trải nghiệm 2 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	12,100	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tung (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (Đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.
10	G1HH2E001	Giáo dục thể chất 2 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	12,100	Nguyễn Duy Quyết - Hồ Đắc Sơn (Đồng Tổng Chủ biên) - Lê Anh Thơ (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hà - Đỗ Mạnh Hưng - Vũ Văn Thịnh - Vũ Thị Hồng Thu - Vũ Thị Thư - Nguyễn Thành Trung - Nguyễn Duy Tuyên - Phạm Mai Vương
11	G3HH2A001	Tiếng Anh 2, Sách học sinh - Global Success	76	20 x 28	19,900	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn
		LỚP 3 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH3V001	Tiếng Việt 3 tập một (KNTTVCS)	152	19 x 26.5	19,400	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) - Đỗ Hồng Dương - Nguyễn Thị Kim Oanh - Trần Kim Phương
2	G1HH3V002	Tiếng Việt 3 tập hai (KNTTVCS)	144	19 x 26.5	18,200	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) - Lê Thị Lan Anh - Nguyễn Lê Hằng - Vũ Thị Lan - Đặng Thị Hào Tâm
3	G1HH3T001	Toán 3 - Tập một (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	15,500	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hương - Bùi Bá Mạnh
4	G1HH3T002	Toán 3 - Tập hai (KNTTVCS)	128	19 x 26.5	15,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hương - Bùi Bá Mạnh

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
5	G3HH3X001	Tự nhiên và Xã hội 3 (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	15,900	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thắm (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Thủy
6	G1HH3I001	Tin học 3 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	9,200	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt
7	G1HH3C001	Công nghệ 3 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giảng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thủy, Nguyễn Thanh Trին, Nguyễn Bích Thảo.
8	G1HH3G001	Đạo đức 3 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	8,400	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thanh Nam (Chủ biên) – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Nguyễn Thị Việt Hà
9	G3HH3R001	Âm nhạc 3 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật
10	G1HH3M001	Mĩ thuật 3 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Biền – Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên) – Phạm Duy Anh – Bạch Ngọc Diệp – Trần Thị Thu Trang
11	G3HH3Q001	Hoạt động trải nghiệm 3 (KNTTVCS)	108	19 x 26.5	14,000	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thuý Anh (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên - Trần Thị Tố Oanh
12	G1HH3E001	Giáo dục thể chất 3 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	12,100	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) – Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) – Đỗ Mạnh Hưng – Vũ Văn Thịnh – Vũ Thị Hồng Thu – Vũ Thị Thu – Phạm Mai Vương
13	G3HH3A001	Tiếng Anh 3 - Sách học sinh, Tập 1 - Global Success	80	20 x 28	20,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
14	G3HH3A002	Tiếng Anh 3 - Sách học sinh, Tập 2 - Global Success	76	20 x 28	19,300	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
		LỚP 4 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH4V001	Tiếng Việt 4, tập một (KNTTVCS)	148	19 x 26.5	19,000	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan
2	G1HH4V002	Tiếng Việt 4, tập hai (KNTTVCS)	144	19 x 26.5	18,500	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hào Tâm
3	G1HH4T001	Toán 4, tập một (KNTTVCS)	132	19 x 26.5	15,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
4	G1HH4T002	Toán 4, tập hai (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	12,700	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
5	G3HH4K001	Khoa học 4 (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	15,100	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Diệu Nga - Đào Thị Sen - Triệu Anh Trung
6	G1HH4I001	Tin học 4 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	9,300	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng
7	G1HH4C001	Công nghệ 4 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,600	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Đồng Huy Giới, Nguyễn Bích Thảo
8	G1HH4U001	Lịch sử và Địa lí 4 (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	16,000	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nguyễn Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương
9	G1HH4G001	Đạo đức 4 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,700	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thanh Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
10	G3HH4R001	Âm nhạc 4 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,400	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga
11	G1HH4M001	Mĩ thuật 4 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên - Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang
12	G3HH4Q001	Hoạt động trải nghiệm 4 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	12,200	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thuý Anh (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên - Trần Thị Tố Oanh
13	G1HH4E001	Giáo dục thể chất 4 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	11,700	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
14	G3HH4A001	Tiếng Anh 4 - Sách học sinh, Tập 1 - Global Success	80	20 x 28	20,300	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn
15	G3HH4A002	Tiếng Anh 4 - Sách học sinh, Tập 2 - Global Success	80	20 x 28	19,500	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn
		LỚP 5 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH5V003	Tiếng Việt 5, tập một (KNTTVCS)	168	19 x 26.5	20,000	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng
2	G1HH5V004	Tiếng Việt 5, tập hai (KNTTVCS)	160	19 x 26.5	18,600	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm
3	G1HH5T003	Toán 5 - tập một (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	18,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hoàng, Bùi Bá Mạnh

SĐT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÖ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
4	G1HH5T004	Toán 5 - tập hai (KNTTVCS)	136	19 x 26.5	17,500	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Ánh, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
5	G3HH5K002	Khoa học 5 (KNTTVCS)	112	19 x 26.5	14,000	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) - Hà Thị Lan Hương - Nguyễn Thị Hồng Liên - Ngô Diệu Nga - Nguyễn Thị Thanh Phúc - Đào Thị Sen.
6	G1HH5I002	Tin học 5 (KNTTVCS)	84	19 x 26.5	9,700	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng
7	G1HH5C002	Công nghệ 5 (KNTTVCS)	52	19 x 26.5	6,300	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên); Dương Giang Thiên Hương; Nguyễn Bích Thảo; Vũ Thị Ngọc Thủy; Nguyễn Thanh Trinh
8	G1HH5U002	Lịch sử và Địa lí 5 (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	15,500	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêın Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh
9	G1HH5G002	Đạo đức 5 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,600	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
10	G3HH5R002	Âm nhạc 5 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	8,500	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga
11	G1HH5M002	Mĩ thuật 5 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,900	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Bích, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang
12	G3HH5Q002	Hoạt động trải nghiệm 5 (KNTTVCS)	100	19 x 26.5	13,100	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thuý Anh (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên - Trần Thị Tố Oanh
13	G1HH5E002	Giáo dục thể chất 5 (KNTTVCS)	88	19 x 26.5	10,400	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương
14	G3HH5A003	Tiếng Anh 5- Sách học sinh, Tập 1 - Global Success	80	20 x 28	20,200	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
15	G3HH5A004	Tiếng Anh 5 - Sách học sinh, Tập 2 - Global Success	76	20 x 28	19,400	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
		LỚP 6 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH6V001	Ngữ văn 6, Tập một (KNTTVCS)	136	19 x 26.5	17,400	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên) - Nguyễn Linh Chi - Nguyễn Thị Mai Liên - Lê Trà My - Lê Thị Minh Nguyệt - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1HH6V002	Ngữ văn 6, Tập hai (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	15,400	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên) - Phan Huy Dũng - Phạm Đăng Xuân Hương - Đặng Lưu - Nguyễn Thanh Tùng
3	G1HH6T001	Toán 6, Tập một (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	15,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Huy Doan (Chủ biên) - Nguyễn Cao Cường - Trần Mạnh Cường - Doãn Minh Cường - Lưu Bá Thăng - Sĩ Đức Quang

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
4	G1HH6T002	Toán 6, Tập hai (KNTTVCS)	112	19 x 26.5	14,400	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Huy Đoàn (Chủ biên) - Nguyễn Cao Cường - Trần Mạnh Cường - Đoàn Minh Cường - Lưu Bá Thắng - Sĩ Đức Quang
5	G1HH6K001	Khoa học tự nhiên 6 (KNTTVCS)	196	19 x 26.5	24,800	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) - Đinh Đoàn Long - Lê Kim Long - Bùi Gia Thịnh (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Chung - Nguyễn Thu Hà - Bùi Thị Việt Hà - Nguyễn Đức Hiệp - Trần Thị Thanh Huyền - Lê Trọng Huyền - Vũ Trọng Rỹ - Nguyễn Văn Vĩnh
6	G1HH6I001	Tin học 6 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	9,000	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên) - Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên) - Đinh Thị Hạnh Mai - Hoàng Thị Mai
7	G1HH6C001	Công nghệ 6 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	10,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Trương Thị Hồng Huệ - Lê Xuân Quang - Vũ Thị Ngọc Thủy - Nguyễn Thanh Trinh - Vũ Cẩm Tú
8	G1HH6U001	Lịch sử và Địa lí 6 (KNTTVCS)	200	19 x 26.5	25,200	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử) - Đinh Ngọc Bảo (Chủ biên phần Lịch sử) - Phan Ngọc Huyền - Phạm Thị Thanh Huyền - Hoàng Anh Tuấn - Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí) - Vũ Thị Hằng - Lê Huỳnh - Trần Thị Hồng Mai - Phí Công Việt
9	G1HH6G001	Giáo dục công dân 6 (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	7,500	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) - Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) - Nguyễn Hà An - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phạm Thị Kim Dung - Nguyễn Thị Thọ
10	G3HH6R001	Âm nhạc 6 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	8,300	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân
11	G1HH6M001	Mĩ thuật 6 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	8,400	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (Đồng Tổng Chủ biên) - Phạm Thị Chinh - Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Vũ Thị Thanh Hương - Nguyễn Thị May - Đoàn Dũng Sĩ
12	G3HH6Q001	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (KNTTVCS)	52	19 x 26.5	6,700	Lưu Thu Thủy - Bùi Sỹ Tùng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh - Nguyễn Thị Việt Nga - Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh - Nguyễn Thanh Bình - Lê Văn Cầu - Dương Thị Thu Hà - Tạ Văn Hai - Nguyễn Thu Hương - Lê Thị Luân - Nguyễn Thị Thanh Mai Nguyễn Hồng Thuận - Lê Thị Thanh Thủy
13	G3HH6E001	Giáo dục thể chất 6 (KNTTVCS)	112	19 x 26.5	13,900	Hồ Đắc Sơn - Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn - Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương
14	G3HH6A001	Tiếng Anh 6, Sách học sinh, Tập 1 - Global Success	72	20 x 28	16,900	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang
15	G3HH6A002	Tiếng Anh 6, Sách học sinh, Tập 2 - Global Success	72	20 x 28	16,900	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
		LỚP 7 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH7V001	Ngữ văn 7, tập một (KNTTVCS)	140	19 x 26,5	17,800	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Ngân Hoa (Đồng Chủ biên) – Nguyễn Thị Mai Liên – Lê Trà My – Lê Thị Minh Nguyệt – Nguyễn Thị Nương – Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1HH7V002	Ngữ văn 7, tập hai (KNTTVCS)	136	19 x 26,5	17,000	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Ngân Hoa (Đồng Chủ biên) – Dương Tuấn Anh – Nguyễn Linh Chi – Đặng Lưu
3	G1HH7T001	Toán 7 Tập một (KNTTVCS)	120	19 x 26,5	15,400	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan (Chủ biên), Cung Thiế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
4	G1HH7T002	Toán 7 Tập hai (KNTTVCS)	116	19 x 26,5	14,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan (Chủ biên), Cung Thiế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1HH7K001	Khoa học tự nhiên 7 (KNTTVCS)	180	19 x 26,5	22,900	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Mai Văn Hùng – Lê Kim Long – Bùi Gia Thịnh (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi – Ngô Tuấn Cường – Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Thị Bích Ngọc – Phạm Thị Phú – Vũ Trọng Rỹ - Mai Thị Tinh – Vũ Thị Minh Tuyên
6	G1HH7I001	Tin học 7 (KNTTVCS)	84	19 x 26,5	9,600	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai
7	G1HH7C001	Công nghệ 7 (KNTTVCS)	84	19 x 26,5	10,100	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đồng Huy Giới (Chủ biên) - Cao Bá Cường - Bùi Hữu Đoàn - Bùi Thị Thu Hương - Kim Văn Vạn
8	G1HH7U001	Lịch sử và Địa lí 7 (KNTTVCS)	184	19 x 26,5	23,300	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử) - Nguyễn Thị Côi – Vũ Văn Quán (Đồng Chủ biên phần Lịch sử) - Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn - Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí) - Nguyễn Đình Giang – Phạm Thị Thu Phương (Đồng Chủ biên phần Địa lí) - Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phi Công Việt
9	G1HH7G001	Giáo dục công dân 7 (KNTTVCS)	64	19 x 26,5	7,900	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) – Nguyễn Hà An – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Thọ
10	G3HH7R001	Âm nhạc 7 (KNTTVCS)	68	19 x 26,5	8,300	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (Đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân
11	G1HH7M001	Mĩ thuật 7 (KNTTVCS)	72	19 x 26,5	8,800	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên) – Phạm Duy Anh – Vũ Thị Thanh Hương
12	G3HH7Q001	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (KNTTVCS)	64	19 x 26,5	8,100	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy, Dương Thị Thu Hà

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÓ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
13	G3HH7E001	Giáo dục thể chất 7 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	12,200	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng
14	G3HH7A001	Tiếng Anh 7 - Sách học sinh - Global Success	140	20 x 28	33,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn
		LỚP 8 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH8V001	Ngữ văn 8, tập một (KNTTVCS)	132	19 x 26.5	16,900	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đặng Lưu (Đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương
2	G1HH8V002	Ngữ văn 8, tập hai (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,000	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thị Ngân Hoa – Đặng Lưu (Đồng Chủ biên) – Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Mai Liên – Lê Thị Minh Nguyệt – Nguyễn Thị Minh Thương
3	G1HH8T001	Toán 8, tập một (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	16,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan - Cung Thế Anh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
4	G1HH8T002	Toán 8, tập hai (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan - Cung Thế Anh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1HH8K001	Khoa học Tự nhiên 8 (KNTTVCS)	196	19 x 26.5	25,000	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng - Lê Kim Long - Vũ Trọng Rỹ (Đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tinh, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vĩnh
6	G1HH8I001	Tin học 8 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	11,900	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam
7	G1HH8C001	Công nghệ 8 (KNTTVCS)	108	19 x 26.5	13,300	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thủy
8	G1HH8U001	Lịch sử và Địa lí 8 (KNTTVCS)	176	19 x 26.5	22,400	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tung (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú - Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt
9	G1HH8G001	Giáo dục công dân 8 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,400	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ
10	G3HH8R001	Âm nhạc 8 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	7,900	Hoàng Long (Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân
11	G1HH8M001	Mĩ thuật 8 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,400	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
12	G3HH8Q001	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,600	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy
13	G3HH8E001	Giáo dục thể chất 8 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	12,200	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đức Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung
14	G3HH8A001	Tiếng Anh 8 - Sách học sinh - Global Success	128	20 x 28	34,200	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy
		LỚP 9 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH9V003	Ngữ văn 9, tập một (KNTTVCS)	152	19 x 26.5	19,400	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (Đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương
2	G1HH9V004	Ngữ văn 9, tập hai (KNTTVCS)	148	19 x 26.5	17,900	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (Đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt
3	G1HH9T003	Toán 9, tập một (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	15,500	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoàn - Cung Thế Anh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
4	G1HH9T004	Toán 9, tập hai (KNTTVCS)	132	19 x 26.5	17,000	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoàn - Cung Thế Anh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Đoàn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng
5	G1HH9K002	Khoa học tự nhiên 9 (KNTTVCS)	228	19 x 26.5	27,500	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên - Lê Trọng Huyền - Đinh Đoàn Long (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tường Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Dương Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần
6	G1HH9I002	Tin học 9 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	11,500	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai
7	G1HH9C005	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (KNTTVCS)	36	19 x 26.5	4,600	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú
8	G1HH9C006	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (KNTTVCS)	44	19 x 26.5	5,600	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thủy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng
9	G1HH9C007	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Trồng cây ăn quả (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	8,600	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giót (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị
10	G1HH9C008	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Chế biến thực phẩm (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	9,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÓ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
11	G1HH9U002	Lịch sử và Địa lí 9 (KNTTVCS)	240	19 x 26.5	28,700	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm
12	G1HH9G002	Giáo dục công dân 9 (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	6,700	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ
13	G3HH9R002	Âm nhạc 9 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	7,900	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.
14	G1HH9M002	Mĩ thuật 9 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,400	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương
15	G3HH9Q002	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,700	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy
16	G3HH9E002	Giáo dục thể chất 9 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	12,200	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung
17	G3HH9A002	Tiếng Anh 9 - Sách học sinh - Global Success	140	20 x 28	34,000	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy
		LỚP 10 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HH9V001	Ngữ văn 10, tập một (KNTTVCS)	168	19 x 26.5	20,200	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Trần Ngọc Hiếu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Đặng Lưu – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong
2	G1HH9V002	Ngữ văn 10, tập hai (KNTTVCS)	136	19 x 26.5	16,500	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Trần Ngọc Hiếu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Đặng Lưu – Hà Văn Minh – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Nguyễn Thị Nương – Đỗ Hải Phong
3	G1HH9V003	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (KNTTVCS)	104	19 x 26.5	12,900	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Trần Ngọc Hiếu – Nguyễn Thị Diệu Linh – Đặng Lưu – Trần Hạnh Mai – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Đỗ Hải Phong – Nguyễn Thị Hồng Vân
4	G1HH9T001	Toán 10 Tập một (KNTTVCS)	104	19 x 26.5	12,800	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
5	GIHHXT002	Toán 10 Tập hai (KNTTVCS)	100	19 x 26.5	12,400	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Hà Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hành, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vương
6	GIHHXT003	Chuyên đề học tập Toán 10 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	7,600	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hành, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vương
7	GIHHXL001	Vật lí 10 (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,100	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) – Bùi Gia Thịnh (Chủ biên) – Phạm Kim Chung – Tô Giang – Nguyễn Xuân Quang – Nguyễn Văn Thụ
8	GIHHXL002	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (KNTTVCS)	80	19 x 26.5	9,500	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báo (Chủ biên), Phạm Kim Chung – Đặng Thanh Hải
9	GIHHXI001	Tin học 10 (KNTTVCS)	168	19 x 26.5	20,500	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư
10	GIHHXI002	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Định hướng Tin học ứng dụng (KNTTVCS)	80	19 x 26.5	14,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt
11	GIHHXI003	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Định hướng Khoa học máy tính (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	13,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiện
12	GIHHXC001	Công nghệ 10 - Thiết kế và Công nghệ (KNTTVCS)	136	19 x 26.5	18,100	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên.
13	GIHHXC002	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Thiết kế và Công nghệ (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	10,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn.
14	GIHHXC003	Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt (KNTTVCS)	144	19 x 26.5	19,700	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đồng Huy Giỏi (Chủ biên); Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liệt, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn
15	GIHHXC004	Chuyên đề học tập Sinh học 10 - Công nghệ trồng trọt (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	11,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đồng Huy Giỏi (Chủ biên); Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn
16	GIHHXH001	Hóa học 10 (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	14,900	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Nguyễn Thu Hà - Lê Thị Hồng Hải - Nguyễn Văn Hải - Lê Trọng Huyền - Vũ Anh Tuấn
17	GIHHXH002	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	9,100	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Ngô Tuấn Cường - Nguyễn Văn Hải - Vũ Anh Tuấn
18	GIHHXB001	Sinh học 10 (KNTTVCS)	160	19 x 26.5	19,600	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Bùi Thị Việt Hà - Đinh Đoàn Long - Nguyễn Thị Quyên - Nguyễn Lai Thanh
19	GIHHXB002	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	10,800	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phạm Thị Hương - Dương Minh Lam
20	GIHHXS003	Lịch sử 10 (KNTTVCS)	112	19 x 26.5	13,900	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh
21	GIHHXS002	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	8,200	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Vũ Thị Phụng

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
22	G1HHXD001	Địa lí 10 (KNTTVCS)	116	19 x 26.5	14,500	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh – Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cừ, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo
23	G1HHXD002	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (KNTTVCS)	36	19 x 26.5	5,400	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cừ, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng
24	G1HHXY001	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (KNTTVCS)	156	19 x 26.5	19,200	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) – Nguyễn Hà An – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan
25	G1HHXY002	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	10,000	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) - Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan
26	G1HHXR001	Âm nhạc 10 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	16,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng.
27	G1HHXR002	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	9,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Nguyễn Đỗ Hiệp
28	G1HHXM001	Mĩ thuật 10 - Thiết kế kĩ thuật đa phương tiện (KNTTVCS)	40	19 x 26.5	7,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Vũ Quốc Khánh
29	G1HHXM002	Mĩ thuật 10 - Thiết kế đồ họa (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Vương Quốc Chính
30	G1HHXM003	Mĩ thuật 10 - Thiết kế thời trang (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Lê Thị Hà - Lê Nguyễn Kiều Trang
31	G1HHXM004	Mĩ thuật 10 - Thiết kế kĩ thuật sản xuất, điện ảnh (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Nguyễn Hữu Phần - Trần Thanh Việt
32	G1HHXM005	Mĩ thuật 10 - Lí luận và lịch sử Mĩ thuật (KNTTVCS)	36	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Trịnh Sinh – Đào Thị Thúy Anh
33	G1HHXM006	Mĩ thuật 10 - Điều khắc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Đinh Gia Lê
34	G1HHXM007	Mĩ thuật 10 - Kiến trúc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Vũ Hồng Cương - Trần Ngọc Thanh Trang
35	G1HHXM008	Mĩ thuật 10 - Đồ họa (tranh in) (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Nguyễn Thị May - Hoàng Minh Phúc
36	G1HHXM009	Mĩ thuật 10 - Thiết kế công nghiệp (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Đỗ Đình Tuyền
37	G1HHXM010	Mĩ thuật 10 - Hội họa (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên) – Phạm Duy Anh (Chủ biên) – Lê Trần Hậu Anh
38	G2HHXM001	Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	11,000	Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị May
39	G1HHXQ001	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	9,100	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên) – Lê Văn Cầu – Trần Thị Tố Oanh – Trần Thị Thu
40	G1HHXE001	Giáo dục thể chất 10 - Cầu lông (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	12,100	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) – Nguyễn Hà An – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan
41	G1HHXE002	Giáo dục thể chất 10 - Bóng đá (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	11,100	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) – Hồ Đắc Sơn (Chủ biên) – Nguyễn Thị Hà – Lê Trường Sơn Chấn Hải – Trần Ngọc Minh – Nguyễn Duy Tuyền

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHÖ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
42	G2HSXE001	Giáo dục thể chất 10 - Bóng chuyền (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	10,600	Trình Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng
43	G2HHXE001	Giáo dục thể chất 10 - Bóng rổ (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	10,000	Trình Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt
44	G3HHXP001	Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh 10	84	19 x 26.5	11,400	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Đoàn Văn Nghĩa, Vũ Văn Ninh
45	G3HHXA001	Tiếng Anh 10 - Sách học sinh - Global Success	132	20 x 28	31,300	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng
		LỚP 11 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HHYV001	Ngữ văn 11, tập một (KNTTVCS)	164	19 x 26.5	19,800	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Trần Ngọc Hiếu - Đặng Lưu - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hồng Vân
2	G1HHYV002	Ngữ văn 11, tập hai (KNTTVCS)	132	19 x 26.5	16,100	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Trần Ngọc Hiếu - Đặng Lưu - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hồng Vân
3	G1HHYV003	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	11,900	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Đỗ Hải Phong - Nguyễn Thị Hồng Vân
4	G1HHYT001	Toán 11, tập một (KNTTVCS)	132	19 x 26.5	16,200	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiến, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
5	G1HHYT002	Toán 11, tập hai (KNTTVCS)	112	19 x 26.5	13,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiến, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
6	G1HHYT003	Chuyên đề học tập Toán 11 (KNTTVCS)	84	19 x 26.5	9,900	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Cung Thế Anh - Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên) - Lê Văn Cường - Phạm Anh Minh
7	G1HHYL001	Vật lí 11 (KNTTVCS)	116	19 x 26.5	14,600	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Văn Biên (Chủ biên) - Nguyễn Chính Cường - Phạm Kim Chung - Tô Giang - Đặng Thanh Hải - Vũ Thúy Hằng - Bùi Gia Thịnh
8	G1HHYL002	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	7,800	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Đặng Thanh Hải (Chủ biên) - Trương Duy Hải - Bùi Trung Ninh - Phạm Văn Vĩnh
9	G1HHYT001	Tin học 11 - Định hướng Khoa học máy tính (KNTTVCS)	148	19 x 26.5	20,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Nam Hải, Nguyễn Thị Hiền, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân, Đặng Bích Việt
10	G1HHYT003	Chuyên đề học tập Tin học 11 - Định hướng Khoa học máy tính (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	13,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hiền, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
11	G1HHY1002	Tin học 11 - Định hướng Tin học ứng dụng (KNTTVCS)	152	19 x 26.5	19,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt
12	G1HHY1004	Chuyên đề học tập Tin học 11 - Định hướng Tin học ứng dụng (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	14,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt
13	G1HHYC001	Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	18,700	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Thái Thế Hùng (Chủ biên) - Hồ Hữu Hải - Khổng Vũ Quảng - Trương Hoàng Sơn - Nguyễn Hồng Sơn
14	G1HHYC002	Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	10,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Thái Thế Hùng (Chủ biên) - Phùng Xuân Lan - Trương Đức Phúc
15	G1HHYC003	Công nghệ 11 - Công nghệ chăn nuôi (KNTTVCS)	120	19 x 26.5	18,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đồng Huy Giới (Chủ biên) - Nguyễn Xuân Bá - Cao Bá Cường - Phạm Kim Đăng - Bùi Hữu Đoàn - Nguyễn Bá Hiền - Trần Thị Bình Nguyên - Đỗ Thị Phương
16	G1HHYC004	Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ chăn nuôi (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	10,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đồng Huy Giới (Chủ biên) - Nguyễn Xuân Bá - Cao Bá Cường - Bùi Hữu Đoàn - Trần Thị Bình Nguyên
17	G1HHYH001	Hóa học 11 (KNTTVCS)	156	19 x 26.5	19,300	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Nguyễn Đăng Đạt - Lê Thị Hồng Hải - Nguyễn Văn Hải - Đường Khánh Linh - Trần Thị Như Mai
18	G1HHYH002	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	7,300	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Nguyễn Hữu Chung - Nguyễn Đăng Đạt - Nguyễn Văn Hải - Đường Khánh Linh - Trần Thị Như Mai
19	G1HHYB001	Sinh học 11 (KNTTVCS)	188	19 x 26.5	23,100	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên) - Lê Đình Tuấn (Chủ biên) - Trần Thị Thanh Huyền - Vũ Thị Thu - Tô Thanh Thủy - Lê Thị Thủy
20	G1HHYB002	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	9,000	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên) - Lê Đình Tuấn (Chủ biên) - Phan Thị Thu Hiền - Trần Thị Thanh Huyền - Đặng Bảo Ngọc - Lê Thị Thủy
21	G1HHYS001	Lịch sử 11 (KNTTVCS)	96	19 x 26.5	12,100	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt) - Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT) - Trần Thị Vinh (Chủ biên) - Hoàng Hải Hà - Đào Tuấn Thành - Nguyễn Thị Thu Thủy
22	G1HHYS002	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	8,000	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt) - Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT) - Trần Thị Vinh (Chủ biên) - Hoàng Hải Hà - Phan Ngọc Huyền
23	G1HHYD001	Địa lí 11 (KNTTVCS)	168	19 x 26.5	20,900	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên) - Trần Thị Thanh Hà - Nguyễn Tú Linh - Phạm Thị Thu Phương - Phạm Thị Ngọc Quỳnh - Phí Công Việt
24	G1HHYD002	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	8,400	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên) - Nguyễn Tú Linh - Phạm Thị Ngọc Quỳnh
25	G1HHYY001	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (KNTTVCS)	148	19 x 26.5	18,600	Nguyễn Minh Doan - Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên) - Nguyễn Hà An - Nguyễn Thị Hôi - Nguyễn Thị Thu Trà
26	G1HHYY002	Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	10,000	Nguyễn Minh Doan - Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hôi

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
27	GIHHYR001	Âm nhạc 11 (KNTTVCS)	88	19 x 26.5	15,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng
28	GIHHYR002	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (KNTTVCS)	48	19 x 26.5	9,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Trần Thị Thu Hà - Phạm Hoàng Trung - Nguyễn Quang Tùng
29	GIHHYV001 (KNTTVCS)	Mĩ thuật 11 - Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Phần
30	GIHHYV002	Mĩ thuật 11 - Thiết kế đồ họa (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Vương Quốc Chính - Chu Thị Kim Ngân
31	GIHHYV003	Mĩ thuật 11 - Thiết kế thời trang (KNTTVCS)	40	19 x 26.5	7,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Lê Thị Hà - Lê Nguyễn Kiều Trang
32	GIHHYV004 (KNTTVCS)	Mĩ thuật 11 - Thiết kế mỹ thuật Sân khấu, Điện ảnh (KNTTVCS)	36	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Phần - Trần Thanh Việt
33	GIHHYV005	Mĩ thuật 11 - Lí luận và Lịch sử mỹ thuật (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Đào Thị Thúy Anh
34	GIHHYV006	Mĩ thuật 11 - Điêu khắc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Trịnh Sinh, Phạm Duy Anh (đồng Chủ biên) - Trần Trọng Trí
35	GIHHYV007	Mĩ thuật 11 - Kiến trúc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Vũ Hồng Cương - Trần Ngọc Thanh Trang
36	GIHHYV009	Mĩ thuật 11 - Đồ họa (tranh in) (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị May - Hoàng Minh Phúc
37	GIHHYV010	Mĩ thuật 11 - Thiết kế công nghiệp (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Đỗ Đông Hưng - Đỗ Đình Tuyển
38	GIHHYV008	Mĩ thuật 11 - Hội họa (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Lê Trần Hậu Anh - Nguyễn Thùy Linh
39	G2HHYV001	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 11 (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	10,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May
40	GIHHYV001	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	9,000	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên) - Lê Văn Cầu - Dương Thị Thu Hà - Trần Thị Tô Oanh - Trần Thị Cẩm Tú
41	GIHHYV002	Giáo dục thể chất 11 - Cầu lông (KNTTVCS)	80	19 x 26.5	13,000	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) - Hồ Đức Sơn (Chủ biên) - Nguyễn Hữu Bình - Mai Thị Ngoan - Trần Văn Vinh
42	GIHHYV001	Giáo dục thể chất 11 - Bóng đá (KNTTVCS)	76	19 x 26.5	13,000	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) - Hồ Đức Sơn (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hà - Lê Trường Sơn Chấn Hải - Trần Ngọc Minh - Nguyễn Duy Tuyển
43	G2HHYV001	Giáo dục thể chất 11 - Bóng chuyền (KNTTVCS)	56	19 x 26.5	8,500	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng
44	G2HHYV002	Giáo dục thể chất 11 - Bóng rổ (KNTTVCS)	64	19 x 26.5	11,000	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc
45	G3HHYV001	Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh 11	80	19 x 26.5	9,500	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Ngọc Bình, Đoàn Xuân Hùng, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Đoàn Văn Nghĩa, Thẩm Hoàng Tú

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
46	G3HHYA001	Tiếng Anh 11 - Sách học sinh - Global Success	132	20 x 28	32,500	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phương
		LỚP 12 - SÁCH HỌC SINH				
1	G1HHZV004	Ngữ văn 12, tập một (KNTTVCS)	168	19 x 26.5	20,300	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Diệu Linh - Đặng Lưu - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Nương - Đỗ Hải Phong - Nguyễn Thị Hồng Vân
2	G1HHZV005	Ngữ văn 12, tập hai (KNTTVCS)	140	19 x 26.5	17,100	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Diệu Linh - Trần Hạnh Mai - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Ngọc Minh - Nguyễn Thị Nương - Nguyễn Thị Hồng Vân
3	G1HHZV006	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	11,900	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Phan Huy Dũng (Chủ biên) - Nguyễn Thị Diệu Linh - Hà Văn Minh - Nguyễn Thị Ngọc Minh
4	G1HHZT004	Toán 12, tập một (KNTTVCS)	104	19 x 26.5	12,500	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
5	G1HHZT005	Toán 12, tập hai (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	11,700	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn
6	G1HHZT006	Chuyên đề học tập Toán 12 (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	8,800	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Kim Sơn, Nguyễn Đạt Đăng
7	G1HHZL003	Vật lý 12 (KNTTVCS)	124	19 x 26.5	15,200	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Văn Biên (Chủ biên) - Trần Ngọc Chất - Phạm Kim Chung - Đặng Thanh Hải - Trương Duy Hải - Bùi Gia Thịnh
8	G1HHZL004	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	8,900	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Trương Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh
9	G1HHZI005	Tin học 12 - Định hướng Khoa học máy tính (KNTTVCS)	164	19 x 26.5	22,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt
10	G1HHZI007	Chuyên đề học tập Tin học 12 - Định hướng Khoa học máy tính (KNTTVCS)	84	19 x 26.5	16,000	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Lê Hữu Tôn
11	G1HHZI006	Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng (KNTTVCS)	156	19 x 26.5	19,500	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt
12	G1HHZI008	Chuyên đề học tập Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	16,800	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt
13	G1HHZC005	Công nghệ 12 - Công nghệ Điện - Điện tử (KNTTVCS)	144	19 x 26.5	19,800	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đinh Triều Dương (Chủ biên); Phạm Duy Hưng; Hoàng Gia Hưng; Bùi Trung Ninh; Nguyễn Đăng Phú; Nguyễn Thị Thanh Vân
14	G1HHZC007	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 - Công nghệ Điện - Điện tử (KNTTVCS)	52	19 x 26.5	9,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đinh Triều Dương (Chủ biên); Phạm Duy Hưng; Hoàng Gia Hưng; Nguyễn Thị Thanh Vân

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
15	GIHHZC006	Công nghệ 12 - Lâm nghiệp - Thủy sản (KNTTVCS)	144	19 x 26,5	20,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phương, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn
16	GIHHZC008	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 - Lâm nghiệp - Thủy sản (KNTTVCS)	52	19 x 26,5	9,000	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đồng Huy Giới - Kim Văn Vạn (đồng Chủ biên) - Trương Đình Hoài - Lê Xuân Trường - Trần Ánh Tuyết
17	GIHHZH003	Hóa học 12 (KNTTVCS)	144	19 x 26,5	17,900	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường - Nguyễn Văn Hải - Lê Trọng Huyền - Nguyễn Thanh Hưng - Đường Khánh Linh
18	GIHHZH004	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (KNTTVCS)	52	19 x 26,5	7,000	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên) - Đặng Xuân Thư (Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường - Nguyễn Đăng Đạt - Nguyễn Văn Hải - Nguyễn Thanh Hưng - Đường Khánh Linh
19	GIHHZB003	Sinh học 12 (KNTTVCS)	196	19 x 26,5	24,100	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Trần Văn Kiên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc
20	GIHHZB004	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (KNTTVCS)	80	19 x 26,5	11,000	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long
21	GIHHZS003	Lịch sử 12 (KNTTVCS)	112	19 x 26,5	13,900	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung
22	GIHHZS004	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (KNTTVCS)	56	19 x 26,5	8,000	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Trần Thiện Thanh
23	GIHHZD003	Địa lí 12 (KNTTVCS)	176	19 x 26,5	21,700	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên) - Nguyễn Đình Cư - Đào Ngọc Hùng - Lê Văn Hương - Nguyễn Tú Linh - Đỗ Thị Mùi - Lương Thị Thành Vinh
24	GIHHZD004	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (KNTTVCS)	56	19 x 26,5	7,900	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương
25	GIHHZY003	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (KNTTVCS)	140	19 x 26,5	17,700	Nguyễn Minh Doan - Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà
26	GIHHZY004	Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (KNTTVCS)	48	19 x 26,5	8,000	Nguyễn Minh Doan - Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi
27	GIHHZR003	Âm nhạc 12 (KNTTVCS)	80	19 x 26,5	13,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tổng Đức Cường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng
28	GIHHZR004	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 (KNTTVCS)	40	19 x 26,5	8,000	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Tổng Đức Cường
29	GIHHZM011	Mĩ thuật 12 - Thiết kế kĩ thuật đa phương tiện (KNTTVCS)	32	19 x 26,5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Minh Thủy
30	GIHHZM012	Mĩ thuật 12 - Thiết kế đồ họa (KNTTVCS)	32	19 x 26,5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Vương Quốc Chính
31	GIHHZM013	Mĩ thuật 12 - Thiết kế thời trang (KNTTVCS)	32	19 x 26,5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Lê Thị Hà - Lê Nguyễn Kiều Trang
32	GIHHZM014	Mĩ thuật 12 - Thiết kế kĩ thuật Sân khấu, Điện ảnh (KNTTVCS)	32	19 x 26,5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Phần - Trần Thanh Việt

STT	MÃ SÁCH	TÊN SÁCH	SỐ TRANG	KHUÔN KHỔ (cm)	GIÁ BÌA (đồng/cuốn)	TÁC GIẢ
33	G1HHZM015	Mĩ thuật 12 - Lí luận và Lịch sử mỹ thuật (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Đoàn Thị Mỹ Hương
34	G1HHZM016	Mĩ thuật 12 - Điều khắc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Quách Hiền Hòa
35	G1HHZM017	Mĩ thuật 12 - Kiến trúc (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Vũ Hồng Cương - Trần Ngọc Thanh Trang
36	G1HHZM018	Mĩ thuật 12 - Đồ họa (tranh in) (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Trần Văn Đức - Nguyễn Thị May - Hoàng Minh Phúc
37	G1HHZM019	Mĩ thuật 12 - Thiết kế công nghiệp (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Đỗ Đông Hưng - Đỗ Đình Tuyền
38	G1HHZM020	Mĩ thuật 12 - Hội họa (KNTTVCS)	32	19 x 26.5	6,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên) - Phạm Duy Anh - Trịnh Sinh (đồng Chủ biên) - Lê Trần Hậu Anh - Nguyễn Thùy Linh
39	G2HHZM002	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12 (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	11,000	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May
40	G1HHZQ002	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (KNTTVCS)	92	19 x 26.5	12,100	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú
41	G1HHZE002	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá (KNTTVCS)	88	19 x 26.5	15,000	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đức Sơn (Chủ biên), Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền
42	G2HHZE004	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền (KNTTVCS)	60	19 x 26.5	10,200	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng
43	G2HHZE005	Giáo dục thể chất 12 - Bóng rổ (KNTTVCS)	72	19 x 26.5	13,000	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Lê Việt Đức, Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc
44	G2HHZE006	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (KNTTVCS)	68	19 x 26.5	11,100	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn
45	G3HHZP002	Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh 12	72	19 x 26.5	11,000	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa
46	G3HHZA002	Tiếng Anh 12, Sách học sinh - Global Success	156	20 x 28	37,900	Hoàng Văn Văn (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng